

Thần Sa, ngày 28 tháng 9 năm 2026

**THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ ÁN
PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG**

Dự án chăn nuôi trâu nội đực vỗ béo xã Thần Sa năm 2026, thuộc Nội dung 10, Nội dung thành phần 3, Hợp phần thứ nhất, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030

I. THÔNG TIN VỀ CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ ĐỀ XUẤT DỰ ÁN

1. Đại diện Tổ sản xuất cộng đồng thực hiện Dự án chăn nuôi trâu nội đực vỗ béo xã Thần Sa năm 2026, thuộc Nội dung 10, Nội dung thành phần 3, Hợp phần thứ nhất, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030

- Người đại diện: Hoàng Thị Mỹ Linh

Chức vụ: Tổ trưởng

- Số CCCD: Số CCCD 019193011385; Ngày cấp: 03/6/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Địa chỉ liên hệ: xóm Kim Sơn, xã Thần Sa, tỉnh Thái Nguyên

- Điện thoại: 0359.006.098.

2. Danh sách các thành viên tham gia 43 hộ trong đó có 01 hộ là Tổ trưởng tổ sản xuất cộng đồng; 01 hộ là hộ làm kinh tế giỏi, 16 hộ nghèo và 23 hộ cận nghèo, 02 hộ mới thoát nghèo năm 2025 thuộc xóm Kim Sơn, xã Thần Sa. Các hộ tham gia dự án đều có kinh nghiệm trong chăn nuôi trâu vỗ béo, đảm bảo cơ sở vật chất (chuồng trại), đảm bảo về lao động (lao động có khả năng chăn nuôi), đảm bảo về đối ứng của dự án.

STT	Họ và tên	Xóm	Loại hộ	Số CCCD
1	Hoàng Thị Mỹ Linh	Kim Sơn	Tổ trưởng Tổ SXCD	019193011385
2	Triệu Hữu Sửu	Kim Sơn	Hộ làm kinh tế giỏi	019084013090
3	Lý Văn Thành	Kim Sơn	Hộ nghèo	004089005014
4	Trần Văn Đình	Kim Sơn	Hộ nghèo	019074007701
5	Triệu Văn Hùng	Kim Sơn	Hộ nghèo	019190005701

STT	Họ và tên	Xóm	Loại hộ	Số CCCD
6	Triệu Thị Chanh	Kim Sơn	Hộ nghèo	019168003356
7	Triệu Hữu Tư	Kim Sơn	Hộ nghèo	019076017304
8	Triệu Thị Tam	Kim Sơn	Hộ nghèo	019157004128
9	Triệu Thị Sáu	Kim Sơn	Hộ nghèo	019190014977
10	Đào Văn Tu	Kim Sơn	Hộ nghèo	004060001738
11	Triệu Đức Tàn	Kim Sơn	Hộ nghèo	019066011187
12	Triệu Hữu Vàng	Kim Sơn	Hộ nghèo	019072011857
13	Đặng Thị Minh	Kim Sơn	Hộ nghèo	006178003922
14	Lý Văn Chinh	Kim Sơn	Hộ nghèo	004087003905
15	Triệu Thị Nhị	Kim Sơn	Hộ nghèo	019178007272
16	Lý Văn Giàng	Kim Sơn	Hộ nghèo	004060003286
17	Lý Văn Thành 1	Kim Sơn	Hộ nghèo	019084016437
18	Lý Văn Nó	Kim Sơn	Hộ nghèo	004093003784
19	Lý Văn Hồ	Kim Sơn	Hộ cận nghèo	019088006170
20	Lý Văn Phùng	Kim Sơn	Hộ cận nghèo	004062004393
21	Đào Văn Tính	Kim Sơn	Hộ cận nghèo	004091007416
22	Triệu Hữu Thọ	Kim Sơn	Hộ cận nghèo	019092006236
23	Ma Văn Thắng	Kim Sơn	Hộ cận nghèo	019081005411
24	Ma Thị Lượng	Kim Sơn	Hộ cận nghèo	019159005108
25	Triệu Đức Thịnh	Kim Sơn	Hộ cận nghèo	019070012353
26	Triệu Thị Mai	Kim Sơn	Hộ cận nghèo	019186007820
27	Triệu Trung Vinh	Kim Sơn	Hộ cận nghèo	019074007948
28	Triệu Chung Thắng	Kim Sơn	Hộ cận nghèo	019073012095
29	Triệu Hữu Hương	Kim Sơn	Hộ cận nghèo	019090006150
30	Triệu Đức Bình	Kim Sơn	Hộ cận nghèo	019070009480
31	Triệu Thị Hòa	Kim Sơn	Hộ cận nghèo	019176012399
32	Triệu Hữu Phúc	Kim Sơn	Hộ cận nghèo	019093010164
33	Trần Văn Hồng	Kim Sơn	Hộ cận nghèo	019069013313
34	Triệu Văn Tiên	Kim Sơn	Hộ cận nghèo	019083013365
35	Triệu Thị Hà	Kim Sơn	Hộ cận nghèo	019193003359
36	Triệu Trung Xoan	Kim Sơn	Hộ cận nghèo	019070008097
37	Triệu Hữu Ty	Kim Sơn	Hộ cận nghèo	019089009543
38	Triệu Đức Vượng	Kim Sơn	Hộ cận nghèo	019061003441
39	Triệu Đức Phong	Kim Sơn	Hộ cận nghèo	019079004663
40	Dương Tiến Hội	Kim Sơn	Hộ cận nghèo	019083008552
41	Triệu Hữu Miên	Kim Sơn	Hộ cận nghèo	019081019478
42	Triệu Trung Năm	Kim Sơn	Hộ mới thoát nghèo năm 2025	019080014527
43	Ma Thị Xuân	Kim Sơn	Hộ mới thoát nghèo năm 2025	019180012099

II. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG

1. Mục tiêu của dự án

Mục tiêu chung: Hỗ trợ giảm nghèo bền vững trên địa bàn xã Thần Sa năm 2026, từng bước nâng cao năng lực sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân tham gia dự án. Thông qua việc triển khai dự án, góp phần khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng phù hợp, nâng cao hiệu quả sản xuất, tạo cơ sở để duy trì, nhân rộng mô hình trong những năm tiếp theo và góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững trên địa bàn xã.

Mục tiêu cụ thể:

- Thông qua việc triển khai thực hiện dự án sẽ giúp cho các hộ dân đặc biệt là hộ nghèo, cận nghèo nâng cao năng lực sản xuất, được tiếp cận tiến bộ khoa học kỹ thuật, sản xuất hiệu quả, hạn chế được dịch bệnh, giảm chi phí đầu tư, mang lại nguồn thu nhập cao hơn cho các hộ gia đình, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, góp phần giảm nghèo bền vững.

- Số người lao động được tập huấn: 41 lao động trực tiếp tham gia dự án.

- Tỷ lệ tăng trọng bình quân đối với trâu nội đực vỗ béo: 800g/con/ngày.

- Tăng năng suất, chất lượng.

- Giải quyết việc làm thêm cho 41 lao động tham gia dự án, tăng thu nhập và giảm nghèo bền vững, làm cơ sở để nhân rộng, duy trì và phát triển đàn gia súc của địa phương.

Dự kiến số hộ thoát nghèo: Sau khi kết thúc dự án các hộ tham gia dự án phần đầu thoát hộ nghèo, hộ cận nghèo. Tăng thu nhập, cải thiện đời sống vật chất cho hộ mới thoát nghèo tham gia dự án.

2. Thời gian triển khai

Thời gian thực hiện: Tháng 8/2026 đến tháng 02/2027.

3. Địa bàn thực hiện

Địa điểm thực hiện: Xóm Kim Sơn, xã Thần Sa.

III. NỘI DUNG DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG

1. Các hoạt động của Dự án

1.1. Chuẩn bị chuồng trại và điều kiện chăn nuôi

Các hộ tham gia dự án tự bố trí kinh phí cải tạo hoặc xây dựng chuồng nuôi bảo đảm yêu cầu kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu về vệ sinh thú y.

1.2. Tổ chức triển khai dự án

Sau khi dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, UBND xã Thần Sa chỉ đạo Phòng Kinh tế phối hợp với Tổ sản xuất cộng đồng tổ chức triển khai thực hiện dự án; phổ biến đầy đủ mục tiêu, nội dung, quyền lợi và trách nhiệm của các

thành viên tham gia; ký hợp đồng thực hiện dự án với đại diện Tổ sản xuất cộng đồng theo quy định hiện hành.

Tổ sản xuất cộng đồng xây dựng kế hoạch thực hiện, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về lao động, chuồng trại, nguồn thức ăn và các điều kiện cần thiết khác trước khi tiếp nhận vật nuôi.

1.3. Tập huấn và chuyển giao kỹ thuật

Tổ chức 01 lớp tập huấn cho các hộ tham gia dự án về quy trình kỹ thuật nuôi trâu nội đực vỗ béo, bao gồm kỹ thuật chọn trâu, chăm sóc, nuôi dưỡng, phối hợp và sử dụng thức ăn, phòng và điều trị một số bệnh thường gặp, vệ sinh chuồng trại và xử lý chất thải trong chăn nuôi.

1.4. Mua con giống và thức ăn hỗn hợp

Tổ sản xuất cộng đồng tổ chức mua con giống là trâu nội đực vỗ béo và thức ăn hỗn hợp theo đúng phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng, số lượng, định mức và quy định của pháp luật.

Sau khi hoàn thành việc mua sắm, tổ chức kiểm tra, nghiệm thu và bàn giao con giống, thức ăn hỗn hợp cho các hộ tham gia dự án theo đúng số lượng, định mức được phê duyệt; lập đầy đủ hồ sơ, chứng từ và biên bản bàn giao theo quy định.

1.5. Tổ chức chăn nuôi và chăm sóc

Các hộ thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng đàn trâu theo đúng quy trình kỹ thuật đã được tập huấn; bảo đảm khẩu phần ăn hợp lý giữa thức ăn hỗn hợp và thức ăn thô xanh, cung cấp đầy đủ nước uống sạch, vệ sinh chuồng trại hằng ngày và theo dõi tình trạng sức khỏe của vật nuôi.

Định kỳ hằng tháng, thực hiện cân hoặc đo khối lượng trâu để theo dõi, đánh giá tốc độ tăng trọng; trên cơ sở đó điều chỉnh khẩu phần ăn phù hợp, bảo đảm trâu sinh trưởng, tăng trọng tốt. Các hộ thực hiện ghi chép đầy đủ tình hình chăm sóc, nuôi dưỡng, khối lượng và tình trạng sức khỏe của trâu vào sổ theo dõi của dự án.

1.6. Phòng, chống dịch bệnh

Thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh cho đàn trâu theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn; thực hiện vệ sinh, tiêu độc, khử trùng chuồng trại và tiêm phòng các loại vắc xin theo quy định, hướng dẫn của cơ quan thú y. Thường xuyên theo dõi tình trạng sức khỏe của đàn trâu, kịp thời phát hiện, cách ly và báo cáo cơ quan chuyên môn khi vật nuôi có dấu hiệu mắc bệnh hoặc xảy ra dịch bệnh.

Không sử dụng chất cấm, chất kích thích tăng trưởng và các loại thuốc, hóa chất không được phép sử dụng trong chăn nuôi; chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về thú y và chăn nuôi.

1.7. Kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả

Trong quá trình thực hiện dự án, UBND xã Thần Sa, Phòng Kinh tế xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất việc triển khai thực hiện dự án; hướng dẫn các hộ tham gia thực hiện đúng quy trình kỹ thuật chăn nuôi trâu vỗ béo; kiểm tra số lượng, tình trạng sức khỏe, trọng lượng trâu, việc sử dụng thức ăn và nguồn vốn hỗ trợ, bảo đảm thực hiện đúng mục tiêu, nội dung và yêu cầu của dự án.

Kết thúc thời gian nuôi vỗ béo, tổ chức nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện, trong đó tập trung đánh giá tỷ lệ trâu đạt yêu cầu, mức tăng trọng, hiệu quả sử dụng thức ăn, hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường của dự án. Tổng hợp kết quả, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định; đồng thời đánh giá, lựa chọn các hộ thực hiện hiệu quả để tiếp tục duy trì, phát triển và đề xuất nhân rộng mô hình khi đủ điều kiện.

2. Nội dung đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

Đề nghị hỗ trợ kinh phí mua giống trâu nội đực vỗ béo trọng lượng từ 307–337 kg/con x 41 con (trung bình 322kg/con); thức ăn hỗn hợp cho trâu nội đực vỗ béo 270kg/con x 41 = 11.070kg cho 16 hộ nghèo, 23 hộ cận nghèo, 02 hộ mới thoát nghèo năm 2025.

Hỗ trợ chi phí thẩm định giá mua con giống và thức ăn.

Hỗ trợ 01 lớp tập huấn hướng dẫn kỹ thuật nuôi trâu nội đực vỗ béo.

3. Quy trình kỹ thuật áp dụng

3.1. Về chủng loại con giống

Nuôi Trâu nội đực giống vỗ béo 28-30 tháng tuổi, trọng lượng từ 307–337 kg/con x 41 con (trung bình 322kg/con). Giống trâu trước khi cấp phát đã được tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin theo quy định, tẩy nội ngoại ký sinh trùng và đã được thiến trước khi đưa vào vỗ béo.

Chất lượng con giống là một trong những điều kiện quan trọng quyết định năng suất chất lượng sau này, do đó phải nghiêm túc lựa chọn quản lý tốt về tiêu chuẩn chất lượng con giống theo quy định.

3.2. Về ngoại hình

Tiêu chí lựa chọn trâu nội đực đưa vào vỗ béo là trâu có ngoại hình cân đối, khỏe mạnh, nhanh nhẹn; đầu, cổ và thân hài hòa; ngực rộng, sâu; lưng thẳng, rộng; hông và mông phát triển; cơ bắp tương đối phát triển; bốn chân cân đối, chắc khỏe, móng chân bình thường. Lông da trơn, bóng, không có biểu hiện mắc bệnh hoặc dị tật. Ưu tiên lựa chọn những con có khả năng tăng trọng tốt, phù hợp với mục tiêu nuôi vỗ béo.

3.3. Về thức ăn

Thức ăn chính của Trâu trong giai đoạn nuôi vỗ béo là thức ăn hỗn hợp dạng viên với định mức 270 kg/con. Được cấp giấy chứng nhận sản phẩm theo

quy định của cơ quan có thẩm quyền. Thức ăn hỗn hợp còn hạn sử dụng theo quy định. Đảm bảo đầy đủ, cân đối dinh dưỡng trong các loại thức ăn cho Trâu vỗ béo như: Độ ẩm (max) 13%; năng lượng trao đổi (min) 2.800 Kcal/kg; Protein thô (min) 17%; xơ thô (max) 12%; Canxi (min - max) 0,4 - 1,5%; Phospho tổng số (min - max) 0,3 - 1,2%; Lysine tổng số (min) 0,5%; Methionine + Cystine tổng số (min) 0,48%.

Ngoài ra có thể bổ sung thức ăn thô, thức ăn tinh sẵn có ở địa phương như cám gạo, ngô, cỏ và các loại rau xanh khác. Trong thời gian vỗ béo, cho Trâu mỗi ngày được ăn 1-2kg thức ăn tinh và 30 - 35 kg cỏ tươi. Có thể dùng cỏ khô và củ quả thay một phần cỏ tươi theo tỷ lệ 1kg cỏ khô tương đương 3-4kg cỏ tươi, 1kg củ quả tươi tương đương 1,1-1,2kg cỏ tươi.

Hiện nay, có các giống cỏ trồng làm thức ăn tốt cho trâu nuôi như cỏ voi, cỏ sả... Bên cạnh đó, hàng năm khi đến mùa thu hoạch lúa, nhân dân nên lấy thân lúa phơi khô để dành cho Trâu ăn trong mùa đông khan hiếm cỏ.

Nguyên liệu làm thức ăn cho trâu nội đực vỗ béo là các nguyên liệu được phép sử dụng làm thức ăn chăn nuôi tại Việt Nam theo quy định của pháp luật, được phân thành các nhóm chính: Thức ăn thô, thức ăn tinh và thức ăn bổ sung.

Thức ăn thô: Các loại cỏ, thức ăn ủ chua, phụ phẩm công nghiệp, nông nghiệp...

Thức ăn tinh: Các loại hạt ngũ cốc, hạt họ đậu, cám, các loại khô dầu, các loại bột từ động vật, các loại bột từ thủy sản thức ăn hỗn hợp...

Thức ăn bổ sung: Khoáng đa lượng, khoáng vi lượng, axit amin, vitamin, enzyme, chế phẩm probiotic, chế phẩm thảo dược...

Việc cung cấp các điều kiện tối ưu về nuôi dưỡng, chăm sóc để Trâu khi giết thịt cho khối lượng, chất lượng thịt cao đáp ứng được yêu cầu của thị trường, nhằm gia tăng hiệu quả chăn nuôi là rất cần thiết.

3.4. Đối với chuồng trại

Chuồng nuôi cần đáp ứng yêu cầu về an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh và những quy định về đối xử nhân đạo đối với vật nuôi. Do các hộ dân được thụ hưởng tự bỏ kinh phí xây dựng hoặc sửa chữa đảm bảo theo các tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản đối với chuồng nuôi Trâu nội vỗ béo là phải làm chuồng nơi cao ráo, tránh hướng gió. Chuồng làm theo hướng đông nam hoặc nam là tốt nhất, đảm bảo ẩm đông, mát hè. Nguyên vật liệu có thể sử dụng các loại tranh, tre, nứa, lá, gỗ sẵn có tại địa phương, hoặc xây bằng gạch... Diện tích chuồng trâu nội trưởng thành từ 5 - 6 m²/con; Nền chuồng cao hơn mặt đất khoảng 20 - 30cm, mặt nền chuồng bằng xi măng, lát gạch hoặc nền đất nén chặt. Nền chuồng tạo độ nhám để tránh trơn trượt, nhưng phẳng, không đọng nước, độ dốc 2-3%. Mái chuồng cao, dốc để hạn chế ảnh hưởng của mưa, bão. Máng ăn, máng uống đặt cố định ở phía trước, dọc theo chuồng nuôi. Hồ chứa phân và nước thải đặt ở phía sau hoặc cạnh chuồng, ở cuối hướng gió, có nắp đậy. Chuồng trại phải được tiêu độc, khử trùng và vệ sinh trước, trong và sau khi nuôi vỗ béo.

3.5. Công tác phòng, chống dịch bệnh

Các hộ tham gia dự án thực hiện nghiêm các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học; thường xuyên vệ sinh, tiêu độc, khử trùng chuồng trại; thực hiện tiêm phòng các loại vắc xin theo quy định và hướng dẫn của cơ quan chuyên môn. Thường xuyên theo dõi sức khỏe đàn trâu, kịp thời phát hiện, cách ly và báo cáo cán bộ thú y khi vật nuôi có dấu hiệu bất thường hoặc nghi mắc bệnh; thực hiện các biện pháp xử lý, phòng, chống dịch bệnh theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn và quy định của pháp luật về thú y.

3.6. Quản lý trâu trong thời gian vỗ béo

Xác định khối lượng trâu và lượng thức ăn thu nhận: Khối lượng của từng cá thể phải được xác định trước khi đưa vào vỗ béo. Hằng tháng, trâu được cân hoặc đo để xác định khối lượng tăng nhằm điều chỉnh khẩu phần ăn phù hợp.

Hằng ngày, quan sát trâu nhằm phát hiện những con có biểu hiện không bình thường để có biện pháp can thiệp kịp thời;

Nước uống cho trâu phải cung cấp đầy đủ đảm bảo chất lượng, an toàn dịch bệnh;

Không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi theo quy định của pháp luật.

IV. NGUỒN LỰC VÀ DỰ TOÁN THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tổng nguồn lực thực hiện dự án: 1.769.227.000 đồng (bằng chữ: Một tỷ bảy trăm sáu mươi chín triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Kinh phí đề nghị nhà nước hỗ trợ: 1.637.863.000 đồng. Trong đó:

+ Hỗ trợ 100% kinh phí mua trâu nội đực giống vỗ béo: $322 \text{ kg/con} \times 41 \text{ con} \times 110.000 \text{ đ/kg} = 1.452.220.000$ đồng (trọng lượng trâu nội đực vỗ béo trọng lượng từ 307–337 kg/con, lấy mức trung bình 322 kg/con để tính chi phí mua giống).

+ Hỗ trợ 100% kinh phí mua thức ăn hỗn hợp cho trâu nội đực vỗ béo: $270 \text{ kg/con} \times 41 \text{ con} \times 14.000 \text{ đ/kg} = 154.980.000$ đồng.

+ Chi phí tập huấn 1 lớp = 6.740.000 đồng.

+ Chi phí thẩm định giá = 23.923.000 đồng.

*** Kinh phí vốn huy động đóng góp tự nguyện của các thành viên Tổ sản xuất cộng đồng thực hiện Dự án chăn nuôi trâu nội đực vỗ béo xã Thần Sa năm 2026, thuộc Nội dung 10, Nội dung thành phần 3, Hợp phần thứ nhất, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026–2030 là: 131.364.000 đồng.**

Đối ứng công chăm sóc, nuôi dưỡng trâu nội đực vỗ béo: 131.364.000 đồng

(Ngoài ra các thành viên Tổ sản xuất cộng đồng cam kết sẽ tự đảm bảo kinh phí thực hiện các nội dung như: cải tạo chuồng trại, thức ăn, thuốc thú y... theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật đối với chăn nuôi trâu nội đực vỗ béo.

2. Dự toán kinh phí thực hiện dự án chi tiết theo từng hoạt động của dự án
(Có biểu dự toán chi tiết kèm theo)

V. DỰ KIẾN KẾT QUẢ ĐẦU RA

1. Hiệu quả kinh tế

Dự kiến hiệu quả kinh tế của Dự án sau 3 tháng thực hiện Dự án.

TT	Hạng mục đầu tư	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
I	Tổng chi				1.738.564.000
1	Trâu nội đực vỗ béo trọng lượng từ 307–337 kg/con, tính mức trung bình 322 kg/con x 110.000 đ/kg x 41 con	Kg	13.202	110.000	1.452.220.000
2	Thức ăn hỗn hợp cho trâu nội đực vỗ béo (270 kg/con x 41 con)	Kg	11.070	14.000	154.980.000
3	Công chăm sóc nuôi dưỡng trâu nội đực vỗ béo (2 giờ/ngày x 90 ngày x 41 con)	Giờ	7.380	17.800	131.364.000
II	Tổng thu (dự kiến)				1.970.788.000
	Sau 3 tháng thực hiện dự án chăn nuôi trâu nội đực vỗ béo (tăng trọng bình quân 800g/con/ngày x 90 ngày = 72 kg x 41 con + trọng lượng trung bình ban đầu của 41 con)	Kg	16.154	122.000	1.970.788.000
Lãi thu được = 1.970.788.000 – 1.738.564.000 = 232.224.000 đồng.					

Theo bảng tính hiệu quả kinh tế cho thấy, sau 03 tháng nuôi vỗ béo 41 con trâu, với công chăm sóc, nuôi dưỡng được quy đổi bình quân 02 giờ/con/ngày, sau khi trừ các chi phí trực tiếp, dự kiến chênh lệch thu - chi đạt 232.224.000 đồng, bình quân khoảng 5.664.000 đồng/con. Thời gian còn lại trong ngày, các hộ tham gia dự án có thể thực hiện các công việc sản xuất, lao động khác để tạo thêm nguồn thu nhập cho gia đình. Nếu duy trì và phát triển nhân rộng đây sẽ là Dự án mang lại hiệu quả kinh tế cao, tạo công ăn việc làm giúp cho các hộ có nguồn thu nhập ổn định từ chăn nuôi, góp phần phát triển kinh tế của gia đình, thoát nghèo bền vững.

Đối với chăn nuôi trâu nội đực vỗ béo thời gian vỗ béo 3 tháng. Trước khi cấp phát cho các hộ, trâu đã được tiêm vắc xin phòng bệnh truyền nhiễm nguy hiểm. Thời gian tiêm nhắc lại vắc xin theo quy định 6 - 12 tháng/lần do vậy các hộ dân không phải mất tiền tiêm vắc xin trong quá trình thực hiện Dự án. Đối với thuốc thú y do thời gian nuôi 3 tháng, Trâu có sức đề kháng tốt hơn các loại vật nuôi khác, thuốc thú y phải sử dụng không đáng kể.

2. Hiệu quả xã hội

Thực hiện hỗ trợ sản xuất sẽ giúp cho các tổ sản xuất cộng đồng từng bước tiếp cận và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Dự án được thực hiện nhằm tạo ra những sản phẩm có giá trị kinh tế cao, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống tinh thần cho người dân, sẽ góp phần thực hiện những mục tiêu kinh tế xã hội và hướng đến hoàn thành những tiêu chí về NTM, là cơ sở để chỉ đạo đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, ngoài việc phát triển chăn nuôi còn góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng mang lại hiệu quả kinh tế cao, phát huy được tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Ngoài ra qua quá trình thực hiện Dự án sẽ giúp cho người dân nâng cao năng lực sản xuất, chủ động mở rộng quy mô chăn nuôi trong những năm tiếp theo.

3. Hiệu quả về môi trường

Khuyến khích tận dụng các phụ phẩm nông nghiệp phù hợp làm thức ăn cho trâu, góp phần giảm lãng phí và tận dụng hiệu quả nguồn nguyên liệu tại địa phương.

Chất thải chăn nuôi được thu gom, xử lý và ủ làm phân bón hữu cơ phục vụ sản xuất nông nghiệp, góp phần cải thiện chất lượng đất và giảm nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

Góp phần bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái nông thôn thông qua việc áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, vệ sinh chuồng trại, xử lý chất thải đúng quy định và chủ động phòng, chống dịch bệnh.

VI. PHƯƠNG ÁN TIÊU THỤ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ

Sản phẩm của dự án là trâu nôi đực sau thời gian nuôi vỗ béo khoảng 03 tháng, dự kiến đạt trọng lượng bình quân khoảng 394 kg/con (tăng trọng bình quân khoảng 72 kg/con so với trọng lượng ban đầu 322 kg/con), bảo đảm sức khỏe, chất lượng và đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của thị trường.

1. Thị trường tiêu thụ

Sản phẩm được tiêu thụ chủ yếu trên địa bàn xã Thần Sa và các địa phương lân cận trong tỉnh Thái Nguyên thông qua các thương lái, cơ sở thu mua, lò giết mổ, và các hộ kinh doanh gia súc. Ngoài ra, các hộ tham gia dự án chủ động tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ thông qua các mối liên kết với cơ sở kinh doanh, các trang trại chăn nuôi và các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thu mua Trâu thương phẩm.

Do nhu cầu tiêu dùng thịt trâu trên địa bàn và khu vực lân cận tương đối ổn định, nguồn cung chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu nên sản phẩm của dự án có khả năng tiêu thụ thuận lợi.

2. Phương thức tiêu thụ

Sau khi kết thúc thời gian vỗ béo, các thành viên Tổ sản xuất cộng đồng chủ động lựa chọn thời điểm xuất bán phù hợp với diễn biến giá thị trường nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao nhất.

Việc tiêu thụ sản phẩm được thực hiện thông qua các hình thức:

- Bán trực tiếp cho thương lái thu mua gia súc trên địa bàn;

- Bán cho các cơ sở giết mổ, kinh doanh thịt Trâu;
- Bán cho các hộ chăn nuôi có nhu cầu mua trâu để tiếp tục nuôi thương phẩm;
- Liên kết tiêu thụ với các cơ sở, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh sản phẩm chăn nuôi khi có nhu cầu.

3. Kế hoạch tổ chức tiêu thụ

Trong quá trình thực hiện dự án, Tổ sản xuất cộng đồng chủ động khảo sát nhu cầu thị trường, cập nhật giá Trâu thương phẩm và kết nối với các thương lái, cơ sở thu mua để xây dựng phương án tiêu thụ phù hợp.

Trước thời điểm xuất bán khoảng 15–30 ngày, Tổ sản xuất cộng đồng phối hợp với Phòng Kinh tế xã và UBND xã rà soát tình hình tăng trọng của đàn Trâu, đánh giá chất lượng sản phẩm, lựa chọn thời điểm bán phù hợp nhằm bảo đảm hiệu quả kinh tế cho các hộ tham gia dự án.

Các hộ tham gia dự án được quyền chủ động quyết định thời điểm bán sản phẩm sau khi hoàn thành các nội dung của dự án và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN THAM GIA VÀ CHẾ TÀI XỬ LÝ VI PHẠM

1. Ủy ban nhân dân xã

Chỉ đạo các bộ phận liên quan và Tổ sản xuất cộng đồng tổ chức triển khai dự án đúng nội dung, tiến độ, đảm bảo hiệu quả và đúng quy định.

Tổ chức thực hiện các nội dung của dự án; Giao nhiệm vụ cho Phòng Kinh tế xã phối hợp với Tổ sản xuất cộng đồng triển khai các hoạt động hỗ trợ bảo đảm đúng đối tượng, công khai, minh bạch.

Tổ chức kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện dự án; theo dõi việc sử dụng nguồn vốn hỗ trợ, mua, bàn giao con giống, vật tư và tình hình chăm sóc, nuôi dưỡng của các hộ tham gia; kịp thời xử lý khó khăn, vướng mắc phát sinh.

Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án; thực hiện chế độ báo cáo, đánh giá kết quả và đề xuất nhân rộng mô hình khi đạt hiệu quả.

2. Phòng Kinh tế

Căn cứ Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, ký hợp đồng với đại diện tổ nhóm cộng đồng thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất.

Tổ chức thực hiện các nội dung, hoạt động hỗ trợ theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao (nếu có).

Thanh toán, giải ngân vốn cho đại diện tổ nhóm cộng đồng, các bên liên quan theo tiến độ thực hiện tại Hợp đồng ký kết với đại diện tổ nhóm cộng đồng.

Lập sổ theo dõi, giám sát việc sử dụng tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có), tổ chức thanh lý, thu hồi tài sản theo quy định (nếu có).

Có trách nhiệm quản lý, giám sát quá trình triển khai thực hiện dự án đúng theo quy định:

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các nội dung dự án đến các xóm, các tầng lớp nhân dân trên địa bàn xã.

Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện dự án về cơ quan thường trực.

Cử cán bộ chuyên môn tư vấn hướng dẫn và giúp đỡ thành viên tổ sản xuất cộng đồng trong quá trình thực hiện dự án.

Có biện pháp xử lý các trường hợp vi phạm (nếu có).

3. Trách nhiệm của Tổ sản xuất cộng đồng

Thực hiện dự án sản xuất theo Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng và Hợp đồng ký kết với cơ quan nhà nước.

Sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo đúng nội dung, mục đích, định mức theo Quyết định phê duyệt dự án.

Lập sổ theo dõi tình hình sử dụng tài sản sau hỗ trợ, trích khấu hao tài sản cố định, định kỳ báo cáo cơ quan, đơn vị thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất (nếu có).

Được nhận hỗ trợ từ Dự án theo các nội dung được cấp có thẩm quyền phê duyệt, được tập huấn kỹ thuật chăn nuôi và các biện pháp nâng cao hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi.

Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu quy trình kỹ thuật, các nội dung quy định của Dự án.

Phải tham gia đầy đủ các buổi họp, tập huấn, học tập kỹ thuật chăn nuôi, phối hợp với các cán bộ chuyên môn trao đổi kinh nghiệm để chăn nuôi thành công.

Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án. Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu quy trình kỹ thuật, các nội dung quy định của dự án.

Sau khi tiếp nhận con giống phải có trách nhiệm chăm sóc con giống theo đúng quy trình kỹ thuật, nếu con giống bị ốm hoặc chết do điều kiện chăm sóc của hộ gia đình thì hộ gia đình phải bồi hoàn bằng con giống khác hoặc số tiền tương đương con giống đã được cấp.

Định kỳ báo cáo về Ủy ban nhân dân xã.

Báo cáo kịp thời các vấn đề phát sinh, rủi ro về UBND xã để có biện pháp xử lý.

Sau khi Dự án kết thúc vẫn tiếp tục duy trì và mở rộng quy mô trong những năm tiếp theo.

4. Trách nhiệm của Cơ quan giám sát, kiểm tra (HĐND, UBNDTTQ, tổ giám sát cộng đồng)

Tiến hành giám sát độc lập, yêu cầu giải trình.

Bảo đảm tính minh bạch, khách quan. Kiến nghị xử lý nếu phát hiện sai phạm, thất thoát.

5. Chế tài xử lý vi phạm

Các hộ tham gia dự án nếu vi phạm cam kết hoặc không thực hiện đúng trách nhiệm sẽ bị xử lý như sau:

- Trường hợp hộ dân không thực hiện đúng quy trình kỹ thuật, không chăm sóc, nuôi dưỡng làm ảnh hưởng đến hiệu quả dự án thì Tổ sản xuất cộng đồng nhắc nhở, yêu cầu khắc phục; trường hợp tái phạm hoặc cố tình vi phạm thì xem xét đưa ra khỏi danh sách tham gia dự án.

- Trường hợp tự ý bán, chuyển nhượng, cho, tặng trâu được hỗ trợ hoặc sử dụng sai mục đích khi chưa được phép thì phải hoàn trả giá trị tài sản hỗ trợ theo mức độ vi phạm và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp gây thiệt hại do lỗi chủ quan (bỏ đói, không phòng bệnh, không thực hiện tiêm phòng dẫn đến trâu chết, giảm giá trị tài sản...) thì hộ dân phải chịu trách nhiệm bồi thường, khắc phục thiệt hại theo cam kết.

- Hộ vi phạm có thể bị xem xét không tiếp tục được tham gia các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất từ các chương trình, dự án của Nhà nước trong thời gian theo quy định.

VIII. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Kế hoạch tiến độ thực hiện Dự án

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
1	Trình HĐND điều chỉnh, hợp nhất kinh phí chi thường xuyên các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026 để thực hiện Nội dung 10 - Nội dung thành phần 3 (Hợp phần thứ nhất) giai đoạn 2026 - 2030	Tháng 8/2026
2	UBND xã quyết định điều chỉnh, hợp nhất kinh phí chi thường xuyên các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026 để thực hiện Nội dung 10 - Nội dung thành phần 3 (Hợp phần thứ nhất) giai đoạn 2026 - 2030	Tháng 8/2026
3	UBND xã ban hành kế hoạch thực hiện Nội dung 10 – Nội dung thành phần 3 – Hợp phần thứ nhất: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo trên địa bàn xã Thần Sa năm 2026	Tháng 8/2026

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
4	Triển khai đăng ký thực hiện Dự án thuộc Nội dung 10 – Nội dung thành phần 3 – Hợp phần thứ nhất: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo trên địa bàn	Tháng 8/2026
5	Thành lập Tổ sản xuất cộng đồng	Tháng 9/2026
6	Tổ SXCD xây dựng dự án trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt	Tháng 9/2026
7	Thẩm định, phê duyệt lựa chọn Dự án	Tháng 10/2026
8	UBND xã ban hành quyết định phê duyệt nội dung dự án	Tháng 10/2026
9	Tổ chức tập huấn kỹ thuật cho các hộ tham gia dự án	Tháng 10/2026
10	Nghiệm thu và chuyển giao con giống và thức ăn hỗn hợp cho thành viên tổ SXCD	Tháng 10/2026
11	Thực hiện chăm sóc nuôi dưỡng, phòng, chống dịch bệnh cho nuôi Trâu theo hướng dẫn	Từ ngày 01/11/2026 đến ngày 30/01/2027, định kỳ hàng tháng cân trâu 01 lần
12	Đánh giá kết thúc dự án	Tháng 2/2027

2. Hình thức thực hiện

Đối với công tác tập huấn: Tổ sản xuất cộng đồng liên hệ với Phòng Kinh tế cử cán bộ chuyên ngành chăn nuôi thú y tổ chức tập huấn kỹ thuật về cách chăm sóc, phòng, trị bệnh cho các hộ chăn nuôi Trâu nội vỗ béo. Đồng thời cử cán bộ thú y, cán bộ phụ trách lĩnh vực nông nghiệp của UBND xã thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn các hộ thực hiện việc chăm sóc, các biện pháp phòng, chống dịch bệnh đảm bảo cho đàn trâu phát triển tốt.

Đối với con giống: Phương thức mua sắm thực hiện Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về việc quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Phòng Kinh tế xã Thần Sa giao Tổ sản xuất cộng đồng tự thực hiện việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ để thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

Đối với thức ăn hỗn hợp: Phương thức mua sắm thực hiện Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về việc quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Phòng Kinh tế xã Thần Sa giao Tổ sản xuất cộng đồng tự thực hiện việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ để thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

Đối với chuồng trại: Do các hộ là thành viên Tổ sản xuất cộng đồng tự bỏ kinh phí xây dựng hoặc sửa chữa đảm bảo theo các tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản đối với nuôi Trâu nội đực vỗ béo.

Đối với công chăm sóc, nuôi dưỡng Trâu nội vỗ béo: Do các thành viên Tổ sản xuất cộng đồng tự bỏ công lao động.

Ngoài ra các thành viên Tổ sản xuất cộng đồng cam kết sẽ tự đảm bảo kinh phí thực hiện các nội dung như cải tạo chuồng trại, thức ăn, thuốc thú y theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật đối với chăn nuôi Trâu nội đực vỗ béo.

3. Đầu mỗi thực hiện

- Đầu mỗi thực hiện mua sắm vật tư, giống vật nuôi: Thông qua người đại diện Tổ sản xuất cộng đồng.

4. Thanh toán, giải ngân

Phòng Kinh tế có trách nhiệm thanh toán, giải ngân vốn cho Tổ sản xuất cộng đồng, các bên liên quan theo tiến độ thực hiện theo hợp đồng đã ký kết với đại diện tổ sản xuất cộng đồng theo quy định tại điểm c, Khoản 2, Điều 24, Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ.

IX. CAM KẾT THỰC HIỆN DỰ ÁN

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung của Dự án theo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường trong lĩnh vực chăn nuôi Trâu nội đực vỗ béo.

Cam kết sẽ tự đảm bảo kinh phí thực hiện các nội dung như: công lao động, cải tạo chuồng trại, thuốc thú y... theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật đối với chăn nuôi Trâu nội đực vỗ béo.

Cam kết trong thời gian thực hiện dự án chúng tôi có trách nhiệm thực hiện tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng Trâu nội đực vỗ béo đúng theo quy trình kỹ thuật được hướng dẫn nhằm sinh trưởng phát triển tốt để mang lại hiệu quả kinh tế.

Không mua bán, cho tặng con giống đã được hỗ trợ. Nếu các hộ tham gia dự án bán, hoặc sử dụng không đúng mục đích thì hộ đó phải hoàn trả lại số tiền Nhà nước đã hỗ trợ.

Phối hợp với cán bộ chuyên môn, cán bộ quản lý Dự án trong việc quản lý con giống được hỗ trợ.

Thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.

Cam kết đảm bảo cơ sở vật chất (chuồng trại), đảm bảo về lao động (lao động có khả năng chăn nuôi), đảm bảo về tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết đảm bảo phần đối ứng thực hiện dự án.

Cam kết việc nhân rộng, mở rộng dự án từ nguồn vốn thu được sau khi kết thúc phân ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Thực hiện đúng quy trình kỹ thuật theo Dự án được phê duyệt, khi xảy ra rủi ro thuộc yếu tố chủ quan thì hộ dân phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật, khi xảy ra rủi ro thuộc yếu tố khách quan thì phải phối hợp xử lý theo quy định hiện hành.

Nếu có vi phạm, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

X. KIẾN NGHỊ, ĐỀ NGHỊ

Đề nghị UBND xã, các phòng ban chuyên môn quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện về cơ chế, chính sách và bố trí đủ kinh phí để triển khai dự án đúng tiến độ.

Đề nghị các cơ quan chuyên môn tăng cường hỗ trợ kỹ thuật, giám sát quá trình thực hiện; hướng dẫn kịp thời biện pháp phòng, chống dịch bệnh và xử lý các tình huống phát sinh.

Đề nghị xóm Kim Sơn, Tổ sản xuất cộng đồng và các cơ quan, bộ phận có liên quan phối hợp chặt chẽ trong việc bàn giao, kiểm tra, giám sát và đôn đốc các hộ dân thực hiện cam kết.

Việc thực hiện Dự án chăn nuôi Trâu nội vỗ béo sẽ góp phần nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người dân góp phần giảm nghèo bền vững, đồng thời giúp bảo vệ môi trường cũng như sức khỏe của chính người chăn nuôi và người tiêu dùng. Để chủ động xử lý các tình huống rủi ro phát sinh trong quá trình thực hiện dự án, Tổ sản xuất cộng đồng đề xuất một số nguyên tắc xử lý như sau:

*** Rủi ro do nguyên nhân chủ quan:** Trường hợp hộ tham gia dự án không thực hiện đúng quy trình kỹ thuật chăn nuôi; không chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng, chống dịch bệnh theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn; tự ý bán, cho, tặng, chuyển nhượng hoặc sử dụng Trâu được hỗ trợ không đúng mục đích thì hộ tham gia phải chịu trách nhiệm khắc phục hậu quả, bồi hoàn giá trị tài sản được hỗ trợ theo quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi vi phạm.

*** Rủi ro do nguyên nhân khách quan:** Trường hợp trâu bị chết, thiệt hại do các nguyên nhân khách quan như dịch bệnh, thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn, sự cố bất khả kháng và đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận thì Tổ sản xuất cộng đồng phối hợp với hộ dân lập biên bản xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại; báo cáo UBND xã và cơ quan có thẩm quyền xem xét, hướng dẫn xử lý theo quy định hiện hành.

*** Các trường hợp khác:** Các trường hợp phát sinh rủi ro ngoài nội dung nêu trên được lập biên bản xác nhận, tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phương án xử lý phù hợp theo quy định.

*** Quy trình xử lý khi xảy ra rủi ro:** Khi xảy ra trường hợp Trâu bị chết hoặc bị thiệt hại, hộ tham gia dự án có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Tổ sản xuất cộng đồng, cán bộ chuyên môn; phối hợp kiểm tra, xác định nguyên nhân, lập biên bản và thực hiện các biện pháp xử lý nhằm hạn chế thiệt hại, bảo đảm hiệu quả thực hiện dự án.

Trên đây là Dự án chăn nuôi trâu nội đực vỗ béo xã Thần Sa năm 2026, thuộc Nội dung 10, Nội dung thành phần 3, Hợp phần thứ nhất, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030. Đề

ngị UBND xã Thần Sa xem xét trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt Dự án theo quy định để công tác triển khai thực hiện được kịp thời đảm bảo đúng thời gian, kế hoạch đề ra./.

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

Linh

Hoàng Thị Mỹ Linh

THÀNH VIÊN THAM GIA

THÀNH VIÊN THỨ 1
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thành
Lý Văn Thành

THÀNH VIÊN THỨ 2
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trần Văn Dũng
Dũng

THÀNH VIÊN THỨ 3
(Ký, ghi rõ họ tên)

Harold
Trần Văn Hùng

THÀNH VIÊN THỨ 4
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chanh
Trần Thị Chanh

THÀNH VIÊN THỨ 5
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lei
Nguyễn Hữu Tư

THÀNH VIÊN THỨ 6
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tam
Trần Thị Tam

THÀNH VIÊN THỨ 7
(Ký, ghi rõ họ tên)

Sau
Trần Thị Sau

THÀNH VIÊN THỨ 8
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tu
Đào Văn Tu

THÀNH VIÊN THỨ 9
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tan
Nguyễn Đức Tân

THÀNH VIÊN THỨ 10
(Ký, ghi rõ họ tên)

Vàng
Triệu Hữu Vàng

THÀNH VIÊN THỨ 11
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mình
đang thì mình

THÀNH VIÊN THỨ 12
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chinh
Lý Văn Chinh

THÀNH VIÊN THỨ 13
(Ký, ghi rõ họ tên)

Như
điền thì như

THÀNH VIÊN THỨ 14
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giăng
Lý Văn Giăng

THÀNH VIÊN THỨ 15
(Ký, ghi rõ họ tên)

thành
lý văn thành

THÀNH VIÊN THỨ 16
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nó
Lý Văn Nó

THÀNH VIÊN THỨ 17
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hồ
Lý Văn Hồ

THÀNH VIÊN THỨ 18
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phùng
Lý Văn Phùng

THÀNH VIÊN THỨ 19
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đinh
Lý Văn Đinh

THÀNH VIÊN THỨ 20
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thọ
Triệu Hữu Thọ

THÀNH VIÊN THỨ 21
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thăng
Hạ Văn Thăng

THÀNH VIÊN THỨ 22
(Ký, ghi rõ họ tên)

Liêu
Ma Thị Liêu

THÀNH VIÊN THỨ 23
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thịnh
Điền Thị Thịnh

THÀNH VIÊN THỨ 24
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mai
Điền Thị Mai

THÀNH VIÊN THỨ 25
(Ký, ghi rõ họ tên)

Uinh
Trần Trung Uinh

THÀNH VIÊN THỨ 26
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thắng
Nguyễn Chung Thắng

THÀNH VIÊN THỨ 27
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hương
Trần Văn Hương

THÀNH VIÊN THỨ 28
(Ký, ghi rõ họ tên)

Bình
Triệu Đức Bình

THÀNH VIÊN THỨ 29
(Ký, ghi rõ họ tên)

Loa
Phan Thị Hoa

THÀNH VIÊN THỨ 30
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phúc
Trần Hữu Phúc

THÀNH VIÊN THỨ 31
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hồng
Trần Văn Hồng

THÀNH VIÊN THỨ 32
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tiến
Trần Văn Tiến

THÀNH VIÊN THỨ 33
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tha
Phan Thị Tha

THÀNH VIÊN THỨ 34
(Ký, ghi rõ họ tên)

Xoan
Trần Trung Xoan

THÀNH VIÊN THỨ 35
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ty
Trần Hữu Ty

THÀNH VIÊN THỨ 36
(Ký, ghi rõ họ tên)

Vương
Trần Đức Vương

THÀNH VIÊN THỨ 37
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phong
Trần Đức Phong

THÀNH VIÊN THỨ 38
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hải
Đường Tiến Hải

THÀNH VIÊN THỨ 39
(Ký, ghi rõ họ tên)

Miền
Trần Hữu Miên

THÀNH VIÊN THỨ 40
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mãi
Trần Trung Mãi

THÀNH VIÊN THỨ 41
(Ký, ghi rõ họ tên)

Luân
Phan Thị Luân

THÀNH VIÊN THỨ 42
(Ký, ghi rõ họ tên)

Linh
Hoàng Thị Mỹ Linh

THÀNH VIÊN THỨ 43
(Ký, ghi rõ họ tên)

Sơn
Trần Hữu Sơn

BIỂU DỰ TOÁN KINH PHÍ

Dự án Chăn nuôi trâu nuôi vỗ béo xã Thần Sa năm 2026, thuộc Nội dung 10, Nội dung thành phần 3, Hợp phần thứ nhất, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (Kèm theo Thuyết minh dự án ngày 28/9/2026 của Tổ sản xuất cộng đồng thực hiện dự án hỗ trợ sản xuất xã Thần Sa năm 2026)

ĐVT: Đồng

TT	Các khoản mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	NSNN hỗ trợ 100% (đồng)	Đối ứng của người dân (đồng)	Ghi chú
1	Ngân sách nhà nước hỗ trợ Mua trâu nội đực vỗ béo, trọng lượng từ 307–337 kg/con x 110.000 đồng/kg, trung bình 322 kg/con x 41 con				1.607.200.000	1.607.200.000	0	
								Nội dung hỗ trợ theo Phụ lục II, nội dung số 12 Định mức kinh tế kỹ thuật lĩnh vực Chăn nuôi - Thú y theo QĐ 726/2022/QĐ-BNN-KN. Đơn giá theo chứng thư thẩm định giá
	Thực ăn hỗn hợp cho Trâu vỗ béo (270kg/con x 41 con)	Kg	11 070	14.000	154.980.000	154.980.000		Nội dung hỗ trợ theo Phụ lục II, nội dung số 12 Định mức kinh tế kỹ thuật lĩnh vực Chăn nuôi - Thú y theo QĐ 726/2022/QĐ-BNN-KN. Đơn giá theo chứng thư thẩm định giá
2	Nhân dân đối ứng Công chăm sóc, nuôi dưỡng Trâu nội vỗ béo (2 giò/ngày x 90 ngày x 41 con)				131.364.000	0	131.364.000	
								Phụ lục II, nội dung số 12 Định mức kinh tế kỹ thuật lĩnh vực Chăn nuôi - Thú y theo QĐ 726/2022/QĐ-BNN-KN.
3	Tập huấn chuyên gia khoa học kỹ thuật (01 lớp = 41 người) Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 41 người x ngày x 70.000 đồng/ngày		1		6.740.000	6.740.000		
		Người	41	70.000	2.870.000	2.870.000		Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên
	Giải khát giữa giờ (30.000đ/người/buổi x 41 người)	Người	41	30 000	1 230 000	1.230.000		
	Phở tô, văn phòng phẩm (Bút bi, vở, túi cúc)	Bộ	41	40.000	1.640.000	1.640.000		
	Thu lao báo cáo viên	Buổi	1	1.000.000	1.000.000	1.000.000		Nghị quyết số 39/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên
3	Chi phí thẩm định giá	Gói			23.923.000	23.923.000		
	Cộng				1.769.227.000	1.637.863.000	131.364.000	